

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TXD21B** Năm học: **22-23**
Mã môn học/ Mô đun: **MD03310** Học kỳ: **01**
Tên môn học/ Mô đun: **Xây gạch**
Số tín chỉ: **3**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1					Hệ số 2					ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	21BTXD0301	Nguyễn Hoàng An	16/06/2005					7	6.0	6.0	7.0	6.5		7.5		7.1
2	21BTXD0302	Bùi Hoài Bảo	14/04/2006					7	7.0	7.0	7.0	7.0		7.5		7.3
3	21BTXD0306	Phan Hải Đăng	17/04/2006					0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
4	21BTXD0307	Lê Khánh Duy	16/09/2006					6	6.5	6.0	6.0	7.0		6.0		6.1
5	21BTXD0310	Lâm Bảo Hy	11/01/2006					6	6.5	6.0	6.0	6.5		7.0		6.7
6	21BTXD0311	Nguyễn Tuấn Kha	13/09/2006					6	6.0	6.0	6.5	6.5		7.0		6.7
7	21BTXD0313	Nguyễn Chương Chí Khanh	12/11/2006					0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
8	21BTXD0314	Nguyễn Quốc Kiệt	15/04/2006					6	7.0	6.0	7.0	6.0		7.0		6.8
9	21BTXD0319	Phạm Tài Lợi	03/01/2006					6	6.0	6.5	6.0	6.5		5.0		5.5
10	21BTXD0320	Phạm Hải Nam	08/09/2006					0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
11	21BTXD0322	Nguyễn Triệu Phú	27/11/2005					6	6.0	6.0	6.5	6.5		7.0		6.7
12	21BTXD0323	Trần Lê Quang Phúc	06/12/2006					6	6.0	6.0	7.0	6.0		7.0		6.7
13	21BTXD0324	Nguyễn Vũ Phương	07/04/2006					7	7.0	6.0	7.0	6.5		7.5		7.2
14	21BTXD0325	Phan Nguyễn Vinh Quang	08/08/2006					6	6.5	6.0	6.5	6.5		7.0		6.7
15	21BTXD0326	Nguyễn Văn Quý	07/03/2006					6	7.0	6.0	7.0	6.0		7.0		6.8
16	21BTXD0330	Nguyễn Văn Vũ	01/01/2005					7	7.0	7.0	7.0	7.0		5.0		5.8

Châu Đốc, ngày 15 tháng 12 năm 2022

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Chí Hiếu